SỞ LĐ - TB & XH TP.HCM
TRƯỜNG TC Y DƯỢC VẠN HẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP DSK4B

TT	Mã học sinh	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chính trị	Pháp luật	Giáo dục quốc phòng	Giáo dục thể chất	Tin học	Anh văn 1	Kỹ năng giao tiếp	Viết, đọc tên thuốc	Thực vật	Hóa phân tích 1	Y học cơ sở 1	Bảo quản thuốc và thiết bị y tế	Dược liệu	Truyền thông giáo dục sức khỏe
1	DSK4B022	Đinh Ngọc	Anh	22/09/1997	Tây Ninh	*0.0*	6.4	7.5	8.0	*0.0*	*4.5*	6.8	5.5	7.3	5.0	6.3		5.1	6.8
2	DSK4B016	Trần Ngọc Trang	Đài	25/04/2001	Bến Tre	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	6.4	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*2.8*		*1.3*	*0.0*
3	DSK4B003	Đỗ Xuân Hoàng	Dung	12/10/1994	TPHCM	6.1	6.2	7.1	6.2	6.7	6.7	8.4	8.3	7.5	5.3	7.1		7.7	8.4
4	DSK4B020	Trịnh Thị Ngọc	Hân	23/10/2000	Kiên Giang	6.7	7.3	6.9	6.1	*0.0*	5.3	8.3	5.2	6.1	5.4	5.4		6.4	8.3
5	DSK4B015	Nguyễn Hoàng	Huy	06/02/2001	Đồng Nai	5.3	5.8	7.5	8.3	5.6	*4.1*	8.0	5.7	*4.3*	5.0	6.4		*4.6*	8.0
6	DSK4B017	Dương Thị Thúy	Ngân	19/02/1998	TPHCM	5.6	5.8	7.7	7.6	6.1	*4.7*	8.3	*0.0*	6.2	5.0	5.4		6.7	8.3
7	DSK4B013	Nguyễn Thái Thị Thu	Ngân	06/09/1998	TPHCM	8.6	6.1	*0.0*	*0.0*	7.9	*0.0*	8.5	7.0	5.8	6.2	6.6		6.2	8.5
8	DSK4B009	Nguyễn Trần Thị Mai	Phương	10/08/2001	TPHCM	7.9	*3.1*	6.0	*0.0*	6.9	5.0	5.2	*0.3*	*0.0*	*0.0*	*2.7*		*0.0*	5.2
9	DSK4B002	Phạm Anh	Thư	12/06/1998	TPHCM	7.0	6.1	7.2	6.5	7.1	5.0	8.0	7.3	6.3	5.4	*0.0*		6.5	8.0
10	DSK4B006	Lý Thị Minh	Trang	10/02/1992	Dak Lak	9.0	6.2	*0.0*	*0.0*	7.9	*4.1*	*0.0*	*0.0*	*4.0*	*0.0*	*0.0*		*0.4*	*0.0*
11	DSK4B011	Phạm Thu	Trang	02/07/1998	Thanh Hóa	8.6	6.5	*0.0*	*0.0*	7.6	*4.1*	8.4	*2.8*	*0.0*	*0.0*	*0.0*		*0.0*	8.4
12	DSK4B014	Hoàng Thị Thúy	Vi	03/09/1997	Bình phước	6.4	6.1	*0.0*	*0.0*	6.1	*4.7*	9.3	6.8	*4.4*	5.0	*0.0*		*2.7*	9.3

***GHI CHÚ:**

Các học sinh rà soát điểm số tích lũy của mình, nếu có thắc mắc hay phát hiện sai sót gì, các em vui lòng gọi điện phản ánh về phòng Quản lý đào tạo trong giờ hành chính: 028.6276.8499.
Hoặc nhắn tin zalo số 0933.964.028 (chỉ nhắn tin, không gọi điện nhé ^^)

SỞ LĐ - TB & XH TP.HCM
TRƯỜNG TC Y DƯỢC VẠN HẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TT	Mã học sinh	Họ	Tên	Bào chế 1	Anh văn 2	Hóa phân tích 2	Y học cơ sở 2	Quản lý dược	Hóa dược dược lý 1	Bào chế 2	Kiểm nghiệm thuốc	Tổ chức và quản lý y tế	Marketing & kinh tế Dược	Hóa dược - dược lý 2	Dược lâm sàng	Tổng môn nợ
1	DSK4B022	Đinh Ngọc	Anh	5.0	*4.9*	*4.2*	*4.7*	6.8	7.6		*3.3*	6.1	7.7	5.2	5.7	**7**
2	DSK4B016	Trần Ngọc Trang	Đài	*3.0*	*0.0*	5.3	5.5	5.9	*0.0*		*4.5*	5.7	*2.1*	*4.0*	*4.9*	**19**
3	DSK4B003	Đỗ Xuân Hoàng	Dung	*4.9*	5.6	5.8	7.0	9.2	8.2		5.5	7.6	8.9	5.3	6.1	**1**
4	DSK4B020	Trịnh Thị Ngọc	Hân	*0.0*	5.5	*0.0*	*4.8*	6.8	5.9		*0.0*	*0.0*	*3.7*	*4.2*	*4.0*	**9**
5	DSK4B015	Nguyễn Hoàng	Huy	*4.4*	*4.9*	5.8	5.3	7.1	5.8		*4.1*	*3.0*	*2.5*	*4.5*	5.0	**9**
6	DSK4B017	Dương Thị Thúy	Ngân	*4.1*	*0.0*	5.8	5.2	7.3	7.1		*4.0*	*4.8*	5.8	5.1	*4.5*	**7**
7	DSK4B013	Nguyễn Thái Thị Thu	Ngân	*4.8*	5.0	6.0	6.7	7.9	7.1		*3.7*	5.4	7.8	5.5	5.6	**5**
8	DSK4B009	Nguyễn Trần Thị Mai	Phương	*0.0*	*0.0*	5.3	6.0	*3.6*	*3.7*		*3.5*	*4.8*	6.7	*4.0*	5.1	**14**
9	DSK4B002	Phạm Anh	Thư	*0.0*	5.0	5.3	6.4	5.6	7.6		5.0	6.1	*4.5*	*4.7*	*3.0*	**5**
10	DSK4B006	Lý Thị Minh	Trang	*0.0*	*1.9*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*		*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	**21**
11	DSK4B011	Phạm Thu	Trang	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*		*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	**19**
12	DSK4B014	Hoàng Thị Thúy	Vi	*0.0*	*4.9*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*		*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	*0.0*	**17**

***GHI CHÚ:**

Các học sinh rà soát điểm số tích lũy của mình, nếu có thắc mắc hay phát hiện sai sót gì, các em vui lòng gọi điện phản ánh về phòng Quản lý đào tạo trong giờ hành chính: 028.6276.8499.
Hoặc nhắn tin zalo số 0933.964.028 (chỉ nhắn tin, không gọi điện nhé ^^)